

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SƠ KẾT 05 NĂM THỰC HIỆN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI CÁC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDDH ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TỈNH/ TP.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-...

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SƠ KẾT THỰC HIỆN LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2019-2023

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Thực hiện Thông báo số 216/TB-VPCP ngày 24/7/2022 của Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo Kết luận tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Báo cáo rà soát Luật Giáo dục đại học (GDDH), Thường trực Chính phủ thống nhất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát và sơ kết 05 năm thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH và các văn bản pháp luật liên quan, báo cáo Chính phủ năm 2024, UBND tỉnh/ TP đã tổ chức rà soát, đánh giá thực tiễn áp dụng và thi hành Luật GDDH trong 05 năm (từ năm 2019 đến năm 2024); nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý để đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật GDDH 2018 khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận việc xây dựng dự án Luật GDDH (sửa đổi).

2. Mục đích

Đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, các chủ trương, chính sách đúng đắn, các quy định phù hợp đã giúp hệ thống GDDH có những chuyển biến tích cực từng bước tạo ra những thay đổi căn bản, toàn diện cho hệ thống GDDH, đẩy mạnh triển khai tự chủ đại học, giúp cho các cơ sở GDDH thực hiện tốt hơn sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xác định rõ các nội dung bất cập, hạn chế mâu thuẫn chồng chéo, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật GDDH và các nguyên nhân từ đó có cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật GDDH.

Nghiên cứu chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với phát triển GDDH để xác định những vấn đề cần thể chế hóa trong Luật GDDH.

3. Nguyên tắc đánh giá sơ kết

Nguyên tắc đánh giá sơ kết trung thực, khách quan, bám sát chủ trương, đường lối, những ưu tiên, quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với phát triển GDDH; so sánh với các nước có cùng trình độ phát triển, các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm để từ đó xác định những vấn đề mới về quan điểm, mục tiêu, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp khi chỉnh sửa Luật GDDH.

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác rà soát, đánh giá thực tiễn áp dụng, thi hành Luật GDDH và các quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật

Trong quá trình triển khai thực hiện hệ thống các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành Luật GDDH 2018, UBND tỉnh/ TP tổ chức rà soát, đánh giá thực tiễn áp dụng và thi hành Luật GDDH:

- Số văn bản QPPL triển khai thực hiện Luật GDDH còn gây khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành Luật GDDH: *(đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của UBTƯQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch, VBQPPL khác)*

- Số điều, khoản trong Luật GDDH mâu thuẫn, chồng chéo với Luật khác do Quốc hội ban hành:

- Số điều, khoản trong Luật GDDH chưa phù hợp với thực tiễn:

- Số điều, khoản trong Luật GDDH chưa cụ thể, rõ ràng để áp dụng trong thực tiễn:

*(Nội dung cụ thể theo mẫu **Bảng số 01** kèm theo)*

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật GDDH và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính

- Số liệu tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ các CSGD (**Bảng số 02**)

kèm theo)

- Số lượt thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực GDDH từ năm 2019-2023 (***Bảng số 03 kèm theo***)

- Tổ chức và hoạt động của thanh tra nội bộ các cơ sở GDDH trực thuộc địa phương.

Phần thứ hai**KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN****I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC****1. Về quản lý nhà nước đối với GDDH**

Đánh giá kết quả đạt được về quản lý nhà nước đối với GDDH theo trách nhiệm của các chủ thể cụ thể thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật số 34¹. Cụ thể:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của cơ sở GDDH trên địa bàn;

- Bảo đảm các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, tài chính, cơ sở vật chất, thư viện và thiết bị dạy học của trường đại học công lập thuộc phạm vi quản lý;

- Phát triển các loại hình nhà trường, thực hiện xã hội hóa GDDH; bảo đảm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả GDDH tại địa phương;

- Thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính sách của địa phương để bảo đảm quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ và chất lượng GDDH thuộc phạm vi quản lý;

- Kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển GDDH tại địa phương.

2. Về thực hiện các chính sách phát triển GDDH

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phục vụ phát triển công nghệ cao.

- Chính sách phân bổ ngân sách và nguồn lực cho giáo dục đại học theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, hiệu quả thông qua chi đầu tư, chi nghiên cứu phát triển, đặt hàng nghiên cứu và đào tạo, học bổng, tín dụng sinh viên và hình thức khác.

¹ Bộ GDĐT tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về GDDH; Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ GDĐT thực hiện quản lý nhà nước về GDDH; UBND cấp tỉnh/ TP thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ

- Ưu tiên, ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng để phát triển GDDH; chính sách ưu đãi đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào hoạt động GDDH, khoa học và công nghệ tại cơ sở GDDH.

- Chính sách xã hội hóa GDDH, khuyến khích phát triển cơ sở GDDH tư thực; ưu tiên cơ sở GDDH tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.

3. Về nguồn lực cho GDDH

3.1. Về củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ sở GDDH

- Đề nghị báo cáo rõ về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định của Luật GDDH để bảo đảm các điều kiện hoạt động của các cơ sở GDDH công lập (trường trực thuộc địa phương).

3.2. Về kinh phí cho GDDH

Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm (bao gồm chi thường xuyên, chi đầu tư từ tất cả các nguồn vốn: trong nước, ngoài nước) **(Bảng số 04 kèm theo)**

- Chi thường xuyên: bao gồm NSNN cấp thường xuyên hàng năm bố trí cho GDDH và kinh phí triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ về GDDH do bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương đang chủ trì thực hiện.

- Chi đầu tư: đánh giá rõ vốn đầu tư công nguồn NSNN và các nguồn hợp pháp khác bố trí cho GDDT theo các kế hoạch trung hạn và hằng năm, bao gồm tổng số vốn, mục tiêu đầu tư, dự án đầu tư, đánh giá tăng/giảm từ khi có Luật số 34 đến nay.

3.3. Huy động nguồn lực xã hội cho GDDH

Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội của Bộ và cơ quan TW, cơ sở GDDH, mức kinh phí huy động được.” **(Bảng số 05 kèm theo).**

II. TÒN TẠI, BẤT CẬP

Xác định rõ các nội dung bất cập, hạn chế mâu thuẫn chồng chéo, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân, nhất là các nguyên nhân chủ quan. Trường hợp nội dung trong định hướng là vấn đề mới chưa có quy định trong luật thì cần nghiên cứu, đánh giá về việc thi hành văn bản dưới luật (nếu có) đang điều chỉnh nội dung này; làm rõ nhu cầu cần có quy định của luật để điều chỉnh và kinh nghiệm quốc tế. Trong mỗi lĩnh vực cụ thể, cần lồng ghép đánh giá việc thực hiện các chính sách của Nhà nước liên quan (về thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, về hợp tác doanh nghiệp, hợp tác quốc tế...), có các đối sánh trước và sau khi thực hiện Luật, cũng như có các phân tích, đối sánh quốc tế; nội dung quản lý nhà nước/phân

cấp quản lý nhà nước, việc tuân thủ quy định pháp luật và những vấn đề nổi cộm (qua công tác thanh tra, kiểm tra).

1. Hệ thống trình độ và văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học

- Các trình độ đào tạo, định hướng đào tạo, trình độ đào tạo ngành chuyên sâu đặc thù; khung trình độ quốc gia, đối sánh và tham chiếu khu vực, quốc tế; vấn đề về trình độ cao đẳng...

- Hệ thống văn bằng, văn bằng ngành chuyên sâu đặc thù, văn bằng trình độ tương đương; việc công nhận văn bằng, công nhận trình độ tương đương;

- Các chứng chỉ dùng trong giáo dục đại học, vấn đề công nhận chứng chỉ.

2. Tổ chức, quản lý cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học

- Tổ chức cơ sở GDĐH (cơ cấu tổ chức, hội đồng trường, hiệu trưởng, trường thành viên và trường thuộc, phân hiệu, việc thành lập, giải thể...bổ nhiệm và công nhận các chức danh...) của các cơ sở GDĐH trực thuộc địa phương.

- Quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH về tổ chức bộ máy, biên chế...

- Quản lý các cơ sở GDĐH (phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước và quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học

- Tổ chức và quản lý các trường đào tạo, bồi dưỡng; các viện nghiên cứu có hoạt động GDĐH; việc thành lập và chuyển đổi, tổ chức lại thành cơ sở GDĐH...

3. Các chính sách và quy định về hoạt động khoa học và công nghệ

** Đánh giá hoạt động KHCN của các cơ sở GDĐH trực thuộc và các cơ sở giáo dục đại học tư thực đóng trên địa bàn theo 03 mục tiêu của Điều 39 Luật GDĐH:*

** Đánh giá hoạt động KHCN của các cơ sở GDĐH trực thuộc và các cơ sở giáo dục đại học tư thực đóng trên địa bàn theo 04 nội dung của Điều 40 Luật GDĐH*

** Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của UBND cấp tỉnh theo Khoản 1 Điều 42 Luật GDĐH và Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động KHCN trong các cơ sở GDĐH*

(1) Tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ cho các cơ sở GDĐH.

(2) Tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp

sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước (chính sách đặc thù của địa phương).

(3) Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.

- *Kiến nghị, đề xuất*

- *Thống kê về hoạt động KHCN của các cơ sở GDDH trực thuộc và các cơ sở giáo dục đại học tư thục đóng trên địa bàn (Bảng số 06 kèm theo)*

4. Các chính sách và quy định về hoạt động hợp tác quốc tế

- Chính sách về tiếp nhận tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị của nước ngoài;

- Quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế;

- Quy định về tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế;

- Quy định về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

5. Các chính sách và quy định về giảng viên

- Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận tiêu chuẩn đạt và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học (giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên, trợ giảng) theo Luật viên chức; phân loại giảng viên theo tính chất hợp đồng và chế độ làm việc (cơ hữu, toàn thời gian, thỉnh giảng).

- Quy định và chính sách về phát triển đội ngũ giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

- Quyền, nhiệm vụ, chế độ chính sách đối với giảng viên các cơ sở GDDH trực thuộc địa phương.

6. Các chính sách và quy định về người học

Chính sách học phí, học bổng, tín dụng ưu đãi và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác đối với người học tại các cơ sở GDDH trực thuộc địa phương (Việc tuyên truyền phổ biến quy chế, quy định, công tác tổ chức thực hiện đảm bảo quyền của người học, kết quả)

7. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục đại học

Học phí và khoản thu từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo; Khoản thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước

giao; Khoản thu từ đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học; Khoản thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ phục vụ cộng đồng, đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu hợp pháp khác; Nguồn vốn vay; các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của cựu sinh viên, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; Ngân sách nhà nước cấp (nếu có). **(Bảng số 07 kèm theo)**

8. Học phí và các khoản thu dịch vụ khác

Đánh giá mức độ bù đắp chi phí đào tạo của mức học phí hiện hành và quy định mức học phí hiện hành; việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các đơn vị; mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý thực tế phát sinh; Việc thực hiện quy định cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. **(Bảng số 08 kèm theo)**

9. Đánh giá quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học về quản lý tài chính của cơ sở giáo dục đại học

- *Đối với cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên (nhóm 1 và nhóm 2):* Đánh giá kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong việc thực hiện quy định hội đồng trường, hội đồng đại học quyết định việc sử dụng nguồn tài chính: (i) Quyết định sử dụng nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước cấp để đầu tư các dự án thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; (ii) Quyết định nội dung và mức chi từ nguồn thu học phí và thu sự nghiệp, nguồn kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ, bao gồm cả chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý theo quy định của quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục đại học.

- *Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục:* Đánh giá kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong việc thực hiện quy định phân tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học tư thục phải dành ít nhất là 25% để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học, cho các hoạt động giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học và thực hiện trách nhiệm xã hội.

10. Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học về Quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học

- *Đối với đơn vị sự nghiệp công lập*: Đề nghị đánh giá quyền (thẩm quyền) tự chủ của cơ sở giáo dục đại học về Quản lý và sử dụng tài sản với các quy định của pháp luật về tài sản công), những cản trở trong quá trình thực hiện tự chủ và đề xuất tăng cường tự chủ trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- *Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục*: Đánh giá cụ thể những nội dung sau và đề xuất:

+ Tài sản của Nhà nước và quyền sử dụng đất được Nhà nước giao cho trường đại học tư thục phải được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai; không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào (có vướng mắc gì không).

+ Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với tài sản khác của Nhà nước phải theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển;

+ Tài sản chung hợp nhất không phân chia bao gồm tài sản được viện trợ, tài trợ, hiến tặng, cho tặng và tài sản khác được pháp luật quy định là tài sản chung hợp nhất không phân chia, thuộc sở hữu của cộng đồng nhà trường, do hội đồng trường hoặc hội đồng đại học đại diện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người chuyển giao quyền sở hữu tài sản (nếu có) vì mục đích phát triển của trường đại học tư thục và lợi ích của cộng đồng, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển; không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào.

11. Phân cấp quản lý nhà nước đối với GDDH

UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo thực hiện quản lý nhà nước về GDDH theo phân cấp của Chính phủ; hỗ trợ phát triển cơ sở GDDH trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của cơ sở GDDH tại địa phương; thực hiện xã hội hóa GDDH; bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả GDDH tại địa phương; thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính sách của địa phương để bảo đảm quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ và chất lượng của GDDH thuộc phạm vi quản lý; kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển GDDH tại địa phương.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA CÁC TỒN TẠI, BẤT CẬP

1. Nguyên nhân khách quan

2. Nguyên nhân chủ quan

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (nếu có)

II. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về thể chế

Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật GDDH và các Luật khác, đồng thời để giải quyết những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện như phân tích nêu trên, Bộ GDĐT đề xuất giải pháp về thể chế như sau:

(1) Văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành (*đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch, VBQPPL khác*)

(2) Văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung (*đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch, VBQPPL khác*)

(3) Văn bản có nội dung cần thay thế (*đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch, VBQPPL khác*)

(4) Văn bản có nội dung cần bãi bỏ (*đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch, VBQPPL khác*)

(5) (Văn bản có nội dung cần ban hành mới (nếu có).

(Nội dung cụ thể theo mẫu Bảng số 01 kèm theo)

2. Giải pháp về tổ chức thi hành Luật GDDH

Công tác phổ biến pháp luật; rà soát VBQPPL; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra...